|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2023/TT-BTTTT  **DỰ THẢO** | *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn thực hiện nội dung về thông tin và truyền thông trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025**

*Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP* *ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định* chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

*Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ* *phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Cục trưởng Cục chuyển đổi số quốc gia, Cục Công nghiệp công nghệ thông tin và Truyền thông, Cục trưởng Cục Thông tin đối ngoại.*

*Bộ trưởng Bộ thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện nội dung về thông tin và truyền thông thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn i: từ năm 2021 đến năm 2025.*

**Chương 1**

QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này hướng dẫn thực hiện các nội dung về thông tin và truyền thông của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (viết tắt là Chương trình), bao gồm:

a) Nhiệm vụ hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự thuộc Tiểu dự án 10.2 của Chương trình (viết tắt là điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin);

b) Nhiệm vụ thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (thuộc Tiểu dự án 10.1 của Chương trình);

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình tại khoản 1 Điều này;

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện và thụ hưởng từ việc thực hiện các nhiệm vụ của Chượng trình tại khoản 1 Điều này.

**Điều 2. Nguyên tắc thực hiện**

1. Quán triệt thực hiện đầy đủ các nguyên tắcquản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

2. Đầu tư phải đảm bảo tiết kiệm, phù hợp với nhu cầu phục vụ đồng bảo dân tộc thiểu số và miền núi tại mỗi địa phương.

3. Đảm bảo sự chủ động của các địa phương trong việc lựa chọn địa điểm đầu tư.

4. Đảm bảo khả năng duy trì, khai thác dịch vụ, phát huy hiệu quả sau đầu tư.

**Chương 2**

THIẾT LẬP CÁC ĐIỂM ĐIỂM HỖ TRỢ ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

**Điều 3.** Mục tiêu thiết lập điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin

Việc thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin nhằm hỗ trợ,phục vụ tập huấn, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong sản xuất, phát triển kinh tế và đời sống; kỹ năng sử dụng các dịch vụ số cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; giúp đồng bào các dân tộc tiếp cận nhanh các các sản phẩm, dịch vụ thiết yếu trên mạng internet(về chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thông tin, kiến thức khoa học công nghệ; bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai,đảm bảo an ninh, trật tự,...); góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; chủ động phòng chống các tình huống gây mất an ninh, trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

**Điều 4.** Địa điểm đầu tư lắp đặt điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin

1. Địa điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin đảm bảo các yêu cầu cơ bản sau:

a) Thuận tiện người dân đến tiếp cận, sử dụng dịch vụ;

b) Có đủ không gian phục vụ người sử dụng;

c) Đảm bảo an toàn, an ninh về con người, tài sản, thiết bị;

d) Có nguồn điện ổn định, được cung cấp bởi hệ thống điện lưới quốc gia;

e) Có đường kết nối Internet băng rộng.

g) Có nhân sự và tài chính đảm bảo vận hành, duy trì hoạt động của trang thiết bị.

2. Ưu tiên đầu tư ở các xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, xã có tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số cao.

3. Tùy điều kiện cụ thể của từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định địa điểm đầu tư điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin theo yêu cầu, tiêu chí quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này và bảo đảm bố trí kinh phí duy trì, vận hành trang thiết bị tại điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tho quy định hiện hành.

4. Không thu phí người sử dụng dịch vụ tại điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin và không sử dụng các thiết bị do Chương trình đầu tư cho bất kỳ hoạt động thương mại nào khác.

**Điều 5.** Số lượng và nội dung đầu tư thiết lập điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin từ nguồn kinh phí của Chương trình

1. Số lượng điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin: Mỗi xã 01 điểm.

2. Nội dung đầu tư:

a) Danh mục thiết bị cơ bản tại mỗi điểm:

- Internet Ti vi: 01 cái, được kết nối Internet;

- Amplifier (Amply): 01 cái;

- Loa (phục vụ hội trường): 02 cái;

- Microphone (Micro): 02 cái;

- Bàn phím máy tính (có thể kết nối với Internet Tivi): 01 cái.

b) Tập huấn kiến thức, kỹ năng khai thác, vận hành trang thiết bị đầu tư tại điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin cho ít nhất 02 cán bộ do Ủy ban Nhân dân cấp xã quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo rà soát thực tế và quyết định danh mục thiết bị, số lượng thiết bị từng loại nêu tại khoản 1 Điều này tại mỗi địa điểm. Đối với các địa điểm đã được đầu tư đủ các thiết bị nêu trên từ các nguồn kinh phí khác thì không đầu tư trùng lặp, chỉ đầu tư những thiết bị chưa có.

4. Các thiết bị được đầu tư, mua sắm, lắp đặt phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật cơ bản/tối thểu các loại thiết bị tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này)..

**Điều 6.** Cung cấp dịch vụ truy nhập internet băng rộng tại điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin

1. Điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin được tài trợ sử dụng dịch vụ truy nhập internet băng rộng và lắp đặt wifi (miễn phí) thông qua Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệttại Quyết định số 2269/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2021); Thông tư số 14/2022/TT-BTTTT ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định danh mục, chất lượng dịch vụ viễn thông công ích và hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025.

2. Căn cứ quyết định đặt hàng cung cấp dịch vụ truy nhập internet băng rộng tại các điểm ứng dụng công nghệ thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ thông báo doanh nghiệp được đặt hàng để các địa phương phối hợp thực hiện.

3. Các doanh nghiệp viễn thông được đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin có trách nhiệm đảm bảo chất lượng dịch vụ truy nhập internet băng rộng theo quy định.

**Điều 7.** Hoạt động của điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin

1. Phục vụ tập huấn, phổ biến kiến thức, kỹ năng sản xuất, phát triển kinh tế, thương mại, khoa học kỹ thuật, văn hóa- xã hội, kiến thức về đảm bảo an ninh, trật tự cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân, bao gồm các nội dung chính: Kỹ năng khai thác, sử dụng các ứng dụng di động, nền tảng số, dịch vụ trực tuyến trên mạng Internet; Kỹ năng sử dụng các dịch vụ công trực tuyến; Kiến thức cơ bản về an toàn thông tin mạng và kỹ năng tự bảo vệ, chống các nguy cơ mất an toàn thông tin mạng cho cá nhân; nhận diện một số hình thức lừa đảo trên mạng; Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng máy tính và các nội dung khác theo xu hướng phát triển công nghệ số.

3. Phục vụ phổ biến, tuyên truyền đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, các quy định của địa phương đến nhân dân trên địa bàn xã.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm quản lý khai thác nội dung thông tin, hình ảnh trên mạng internet, đảm bảo an toàn, đúng mục đích, đúng pháp luật.

**Điều 8.** Hỗ trợ cung cấp nội dung thông tin cho các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin

1. Các bộ, ngành, cơ quan Trung ương đã phát triển các nền tảng số, dịch vụ số bằng nguồn vốn nhà nước thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi Chương trình để phổ biến, khai thác phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Các dịa phương tổ chức cung cấp các sản phẩm thông tin phục vụ triển khai chung theo yêu cầu của địa phương cho các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin và hướng dẫn địa phương thực hiện.

3. Các cơ quan báo chí, nhà xuất bản hỗ trợ, tạo điều kiện cung cấp các sản phẩm nội dung thông tin sử dụng ngân sách nhà nước hoặc từ nguồn kinh phí của đơn vị theo khả năng thực tế để phổ biến tại điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin.

**Điều 9.** Trách nhiệm quản lý, vận hành điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại địa phương

1. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản và tổ chức, vận hành, khai thác các thiết bị tại điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định về quản lý sử dụng tài sản côngvà quy chế do địa phương ban hành.

2. Ủy ban nhân cấp cấp tỉnh ban hành Quy chế quản lý hoặc văn bản hướng dẫn hoạt động của các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với điều kiện cụ thể tại địa phương, đảm bảo phát huy hiệu quả như mục tiêu đã đề ra.

**Chương 3**

THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI VÙNG ĐỒNG BÀO

DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

**Đ**i**ều 10.** Mục tiêu thực hiện thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

1. Tăng cường nội dung thông tin đối ngoại tại các địa bàn huyện, xã có đường biên giới quốc gia để nâng cao nhận thức, tăng cường trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, các tổ chức và nhân dân trong công tác đối ngoại góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển;

2. Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác thông tin đối ngoại khu vực biên giới cho các Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, tổ chức có nhu cầu sử dụng, nhất là các đồn biên phòng và các huyện, các xã khu vực biên giới;

3, Cung cấp các tài liệu chính thống (bằng ngôn ngữ tiếng Việt, tiếng nước ngoài và tiếng dân tộc thiểu số) nhằm phục vụ công tác thông tin đối ngoại cho các Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân các huyện biên giới, các đồn Biên phòng.

4. Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thông tin đối ngoại cho các lực lượng thông tin đối ngoại khu vực biên giới và các đồn Biên phòng.

**Điều 11.** Nội dung và hình thức thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

1. Sản xuất các sản phẩm thông tin phục vụ công tác thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Yêu cầu về nội dung:

- Sản phẩm thông tin phải có nội dung phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước.

*-* Sản phẩm thông tin phải gắn với thực hiện mục tiêu thông tin đối ngoại khu vực biên giới, có nội dung thiết yếu, chuyên sâu, có ý nghĩa thực tiễn, có giá trị lan tỏa.

- Phù hợp với tình hình thực tế và khả năng tiếp cận thông tin của nhân dân khu vực biên giới.

- Không trùng lặp với việc thực hiện nhiệm vụ của các chương trình, đề án khác sử dụng nguồn vốn nhà nước.

c) Nội dung thông tin, tuyên truyền:

- Chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong quản lý, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia; xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, qua đó, góp phần tạo sự đồng thuận trong xã hội, tăng cường, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

- Tuyên truyền công tác dân tộc, chính sách dân tộc về bảo đảm các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển của các dân tộc Việt Nam, đặc biệt là khu vực biên giới, qua đó góp phần vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.

- Tuyên truyền về tiềm năng, thế mạnh, các chính sách thu hút đầu tư ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực biên giới.

- Các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống của cộng đồng các dân tộc khu vực biên giới gắn với phát triển du lịch.

- Thành tựu của Việt Nam trong việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người ở vùng dân tộc thiểu số, gồm: các quyền kinh tế, quyền tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (giáo dục, chăm sóc sức khỏe, nước sạch và vệ sinh môi trường, nhà ở, thông tin, việc làm).

- Đấu tranh với các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch, lợi dụng không gian mạng nhằm chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở khu vực biên giới; những nỗ lực, quyết tâm của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong việc bảo đảm quyền của đồng bào các dân tộc thiểu số và miền núi.

d) Hình thức sản phẩm thông tin đối ngoại: Bản tin (thể hiện dưới dạng âm thanh, chữ viết, hình ảnh), tài liệu (thông tin chuyên đề, sổ tay nghiệp vụ), tờ rơi, tờ gấp, áp phích, thư viện điện tử, video clip và các sản phẩm thông tin điện tử khác. Chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác sản xuất các sản phẩm thông tin có chủ đề nội dung chuyên sâu, có giá trị, ý nghĩa lâu dài;

đ) Về ngôn ngữ: Căn cứ thực tế về nhu cầu, tập quán, sử dụng ngôn ngữ của nhân dân khu vực biên giới; các sản phẩm thông tin đối ngoại được sản xuất bằng tiếng Việt, tiếng dân tộc thiểu số, ngôn ngữ nước ngoài, ngôn ngữ các nước có chung đường biên giới với Việt Nam (tiếng Lào, tiếng Campuchia, tiếng Trung Quốc) phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền và thông tin đối ngoại;

e) Thực hiện in, nhân bản, phát hành, phát sóng, đăng các sản phẩm thông tin đối ngoại phục vụ đối tượng, địa bàn thụ hưởng; ưu tiên đối với vùng biên giới có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống;

g) Trên cơ sở nội dung sản phẩm thông tin đối ngoại do các bộ, cơ quan Trung ương, các địa phương tổ chức sản xuất và cung cấp bằng kinh phí ngân sách nhà nước; Bộ TTTT chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Ban Tôn giáo Chính phủ, Ủy ban Dân tộc, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Bộ Công an và các bộ, cơ quan Trung ương có liên quan triển khai lựa chọn và tổ chức chuyển ngữ bằng tiếng dân tộc, tiếng Anh, tiếng Lào, tiếng Campuchia, tiếng Trung Quốc; số hóa các tài liệu, tư liệu và đưa vào cơ sở dữ liệu phục vụ công tác thông tin đối ngoại khu vực biên giới;

2. Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác thông tin đối ngoại khu vực biên giới

Nội dung thực hiện gồm các hoạt động sau:

- Xây dựng phần mềm, cơ sở dữ liệu;

- Thuê dịch vụ công nghệ thông tin (nếu có);

- Duy trì, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác thông tin đối ngoại.

3. Bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, nghiệp vụ thông tin đối ngoại

a) Đối tượng:

- Cán bộ làm công tác quản lý, cán bộ chuyên trách, phụ trách công tác thông tin đối ngoại tại các Sở Thông tin và Truyền thông, cán bộ làm công tác dân tộc cấp tỉnh, huyện; Lãnh đạo các huyện, các xã biên giới; cán bộ, công chức Phòng Văn hóa - Thông tin thuộc UBND cấp huyện.

- Lãnh đạo, phóng viên, biên tập viên các cơ quan thông tấn, báo chí, các đài phát thanh, truyền hình địa phương; Trang thông tin điện tử thông tin đối ngoại của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp.

- Cán bộ Bộ đội Biên phòng các tỉnh, thành phố được phân công kiêm nhiệm, phụ trách thực hiện công tác thông tin đối ngoại; tập trung ưu tiên cán bộ làm công tác tuyên truyền, trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ tại các đồn biên phòng, cửa khẩu, cảng biển, tiếp xúc với người nước ngoài.

- Già làng, Trưởng bản, Người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn.

b) Nội dung thực hiện:

b1) Xây dựng chương trình; biên soạn, số hóa, in, phát hành tài liệu phục vụ công tác bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ thông tin đối ngoại cho các lực lượng tham gia hoạt động thông tin đối ngoại khu vực biên giới.

b2) Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho các đối tượng, bao gồm hình thức trực tuyến, trực tiếp và kết hợp trực tuyến và trực tiếp. Thời gian tập huấn do các cơ quan chủ trì quyết định phù hợp với đối tượng, nội dung tập huấn; đảm bảo thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả, tránh hình thức.

4. Tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo, chương trình, giao lưu quốc tế giới thiệu về đất nước Việt Nam và thành tựu phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi

- Tổ chức tìm hiểu thực tế, trao đổi nghiệp vụ phục vụ công tác thông tin đối ngoại ở trong nước và địa bàn các nước có chung đường biên giới với Việt Nam.

- Tổ chức các chương trình, sự kiện lồng ghép hoạt động thông tin đối ngoại với các hoạt động giao lưu, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, văn hóa của các tỉnh biên giới với các tỉnh bạn có chung đường biên giới nhằm tăng cường mối quan hệ hữu nghị truyền thống với các quốc gia láng giềng; giới thiệu, quảng bá những thành tựu của Việt Nam đến nhân dân các nước có chung đường biên giới, tăng cường hợp tác kinh tế giữa các tỉnh biên giới.

- Tổ chức các hình thức tuyên truyền đối ngoại phù hợp nhân các dịp kỷ niệm, các sự kiện quan trọng giữa Việt Nam với các quốc gia có chung đường biên giới.

- Tổ chức các hoạt động giao lưu hữu nghị quốc phòng biên giới với các nước láng giềng; giao lưu với lực lượng bảo vệ biên giới các nước có chung đường biên giới.

**Điều 12.** Trách nhiệm trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

1. Sản xuất các sản phẩm thông tin phục vụ công tác thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Ở Trung ương:

Các cơ quan Trung ương: Các cơ quan được giao kinh phí thực hiện Tiểu dự án 10.1 theo quy định tại Phụ lục X kèm theo Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025, có trách nhiệm:

- Xây dựng, đề xuất kế hoạch thực hiện nhiệm vụ gửi Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo theo quy định (theo Biểu mẫu đính kèm Văn bản này)

- Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo quy định hiện hành;

- Báo cáo kết quả thực hiện cho Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo theo quy định;

- Gửi sản phẩm thông tin đối ngoại đã hoàn thành (dưới dạng số hóa) về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Thông tin đối ngoại) để đưa vào cơ sở dữ liệu phục vụ công tác thông tin đối ngoại khu vực biên giới.

b) Ở địa phương:

Căn cứ nguồn kinh phí của Chương trình do Trung ương phân bổ và nguồn kinh phí đối ứng của địa phương, chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với cơ quan có chức năng tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về công tác dân tộc:

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác tổ chức triển khai xây dựng, trình cấp có thẩm quyền tại đia phương xem xét, phê duyệt kế hoạch thực hiện nhiệm vụ; gửi kế hoạch thực hiện nhiệm vụ cho Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo kế hoạch thực hiện nhiệm vụ theo quy định (theo Biểu mẫu đính kèm Văn bản này).

- Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cho Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

- Gửi sản phẩm thông tin đối ngoại đã hoàn thành (dưới dạng số hóa) về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Thông tin đối ngoại) để đưa vào cơ sở dữ liệu phục vụ công tác thông tin đối ngoại khu vực biên giới.

2. Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác thông tin đối ngoại khu vực biên giới

a) Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì xây dựng, quản lý, vận hành và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin đối ngoại phục vụ công tác chỉ đạo hoạt động thông tin đối ngoại trên phạm vi cả nước và khu vực biên giới; phối hợp với các cơ quan liên quan chuyển ngữ bằng tiếng Anh, tiếng Lào, tiếng Campuchia, tiếng Trung Quốc, tiếng dân tộc thiểu số, số hóa các tài liệu, sản phẩm thông tin, tuyên truyền để đưa vào cơ sở dữ liệu.

b) Các bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp cung cấp các sản phẩm thông tin phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại khu vực biên giới để phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu, đảm bảo đủ chức năng hỗ trợ phục vụ công tác thông tin đối ngoại, cung cấp thông tin định hướng và tài liệu đến các địa phương, các huyện, xã có đường biên giới, các đồn Biên phòng trên toàn tuyến biên giới.

3. Bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, nghiệp vụ thông tin đối ngoại

a) Ở Trung ương: Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ủy ban dân tộc, Bộ Quốc phòng (Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng) thực hiện:

- Nội dung b1) điểm b Khoản 3 Điều phục vụ chung toàn quốc.

- Tổ chức thực hiện nội dung b2) điểm b Khoản 3 Điều này đối với đối tượng thuộc các cơ quan báo chí, cán bộ liên quan đến công tác quản lý thông tin đối ngoại cấp tỉnh, cán bộ Biên phòng (lồng ghép với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025).

b) Ở địa phương:

- Tổ chức thực hiện nội dung b1) điểm b khoản 3 Điều 11 theo yêu cầu đặc thù của địa phương.

+ Thực hiện nội dung b2) điểm b khoản 3 Điều 11 đối với các đối tượng do địa phương quản lý (trừ đối tượng do Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện bồi dưỡng, tập huấn).

4. Tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo, chương trình, giao lưu quốc tế giới thiệu về đất nước Việt Nam và thành tựu phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi

Các cơ quan Trung ương, các địa phương căn cứ điều kiện thực tế xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung này phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý và các quy định của pháp luật. Các cơ quan Trung ương khi thực hiện nội dung này cần có sự phối hợp với các cơ quan liên quan và các địa phương liên quan để đảm bảo hiệu quả, tránh trùng lặp.

**Chương 4**

CÔNG TÁC KẾ HOẠCH, HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC

VÀ BÁO CÁO, GIÁM SÁT THỰC HIỆN

**Điều 13.** Lập, đề xuất kế hoạch thực hiện nội dung về thông tin và truyền thông thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

1. Căn cứ hướng dẫn tại Thông tư này, nguồn lực được bố trí, Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo xây dựng, phê duyệt kế hoạch thực hiện nội dung thông tin và truyền thông của Chương trình.

2. Kế hoạch thực hiện nội dung về thông tin và truyền thông thuộc Chương trình được lập cho cả giai đoạn, chia ra hằng năm lập theo mẫu kèm theo Thông tư này (Theo mẫu biểu tại Phụ lục số 2)

3. Thời hạn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo kế hoạch thực hiện nội dung về thông tin và truyền thông về Bộ Thông tin và Truyền thông (đồng gửi Ủy ban Dân tộc) để phối hợp theo dõi, giám sát thực hiện như sau:

a) Báo cáo kế hoạch giai đoạn trước ngày 15 tháng 6 năm 2023

b) Báo cáo kế hoạch thực hiện hàng năm gửi trước ngày 15 tháng 6 hằng năm.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp kế hoạch thực hiện nội dung thiết lập ứng dụng công nghệ thông tin gửi cơ quan chủ chương trình tổng hợp theo quy định.

**Điều 14.** Huy động, lồng ghép nguồn lực thực hiện

1. Căn cứ điều kiện cụ thể của từng địa phương, các địa phương lựa chọn nguồn nhân lực đủ điều kiện để quản lý thực hiện nhiệm vụ về thông tin và truyền thông của Chương trình.

2. Các địa phương được đầu tư thiết lập điểm ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cộng đồng có trách nhiệm lập bố trí kinh phí chi thường xuyên hằng năm theo quy định hiện hành để duy trì, vận hành, khai thác điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin.

b) Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam tài trợ chi phí sử dụng dịch vụ truy nhập internet băng rộng cố định tại điểm ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cộng đồngtheo Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025

3. Các doanh nghiệp viễn thông được Bộ Thông tin và Truyền thông đặt hàng cung cấp dịch vụ truy nhập internet băng rộng cố định tại điểm ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cộng đồng có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Nhân dân cấp xã để cung cấp kịp thời dịch vụ tại các điểm này.

**Điều 15.** Báo cáo kết quả thực hiện

Các địa phương có trách nhiệm báo cáo thực hiện nội dung về thông tin và truyền thông thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-UBDT ngày 20 tháng 6 năm 2022của Ủy ban Dân tộc quy định quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; báo cáo đồng gửi Bộ Thông tin và Truyền thông để theo dõi thực hiện.

**Điều 16.** Kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện:

1. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc và các cơ quan liên quan lập kế hoạch và tổ chức giám sát thực hiện nội dung về thông tin và truyền thông thuộc Chương trình tại các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức, chỉ đạo công tác giám sát, đánh giá thực hiện nội dung về thông tin và truyền thông thuộc Chương trình mục theo trách nhiệm được quy định tại tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

**Chương 5**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**Điều 17. Tổ chức thực hiện**

1. Ở Trung ương: Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu của Ủy ban Dân tộc triển khai, giám sát thực hiện nội dung về thông tin và truyền thông thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại địa phương.

2. Ở địa phương: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc tham mưu cho Ủy ban nhân cấp tỉnh về công tác quản lý thực hiện nội dung về thông tin và truyền thông thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

**Điều 18. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Các Bộ, cơ quan nganh Bộ, cơ quan Trung ương và Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố triển khai thực hiện Thông tư theo phạm vi quản lý. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông để phối hợp nghiên cứu, giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c); - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán Nhà nước; - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP; - HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW; - Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ TTTT; - Sở TTTT, Sở KHĐT, Sở Tài chính, Ban Dân tộc các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; - Cổng TTĐT CP, Công báo; - Các đơn vị thuộc Bộ TTTT; Cổng TTĐT Bộ; - Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp); - Lưu: VT, KHTC. | **BỘ TRƯỞNG**  **Nguyễn Mạnh Hùng** |

**Phụ lục 1**

CẤU HÌNH KỸ THUẬT CƠ BẢN/TÓI THIỂU CÁC LOẠI THIẾT BỊ

CỦA ĐIỂM ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

*(Kèm theo Thông tư số…./2023/TT- BTTTT ngày tháng năm 2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông)*

**-------**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thiết bị** | **Chỉ tiêu** | **Yêu cầu kỹ thuật** |
| Internet Tivi | Màn hình | Kích thước: từ 60 inch trở lên (tùy thuộc vào diện tích của phòng sử dụng thiết bị, mục đích sử dụng thiết bị)  Hỗ trợ một trong các độ phân giải: HD, FULL HD, PAL, NTSC |
| Kết nối | Hỗ trợ (một) hoặc nhiều cổng kết nối: HDMI, DVI, USB, Ethernet, Audio, DVB-T2. |
| Wi-Fi | Có |
| Bluetooth | Có |
| Phụ kiện | Thiết bị điều khiển từ xa, dây nguồn |
| Hệ điều hành | Android hoặc có chức năng truy cập và cài đặt ứng dụng trên Google Play |
| Amplifier | Loại | 2 kênh trở lên |
| Điện áp | 220V |
| Cổng kết nối | 256 GB trở lên |
| Kết nối | Bluetooth, USB, thẻ nhớ, video input, output |
| Tần số hoạt động | Trong dải tần 10 Hz - 70 KHz |
| Cấu tạo | 2 đầu ra loa trở lên |
| Công suất | 240W/350W trở lên |
| Loa | Tần số hoạt động | Trong dải tần 20 Hz - 20 KHz |
| Công suất | 1200W/2400W/4800W |
| Cấu tạo | 2 đường tiếng trở lên |
| Độ nhạy | 90dB trở lên |
| Microphone | Loại | Tay cầm |
| Số tay | 02 |
| Kết nối | Không dây |
| Tần số hoạt động | Trong dải tần 20 Hz – 20 KHz |
| Độ nhạy | Trong khoảng -40 đến 55 ± 3dB |
| Phạm vi bắt sóng | 30-50m |